

Số: 22 /2026/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ
và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 370/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực

hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 63/TTr-SKHCN ngày 15 tháng 6 năm 2026, Báo cáo số 110/BC-SKHCN ngày 19 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai giải quyết các vấn đề sau:

1. Giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ của thành phố Đồng Nai theo Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Giải quyết các vấn đề về đổi mới sáng tạo của thành phố Đồng Nai theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các phường, xã (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Phân cấp quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Sở Khoa học và Công nghệ quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ, vấn đề về đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ hoặc một phần kinh phí từ ngân sách cấp thành phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ, vấn đề về đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ hoặc một phần kinh phí từ ngân sách cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, đặt hàng.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở do tổ chức khoa học và công nghệ chủ động xây dựng, phê duyệt, thực hiện bằng nguồn kinh phí được giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 62 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 hoặc nguồn kinh phí tự chủ khác.

Điều 4. Nội dung phân cấp cho cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ theo Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN

1. Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ, xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Công khai kết quả phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 13; xem xét việc điều chỉnh tên tổ chức đề xuất trong trường hợp thay đổi tên gọi hoặc tư cách pháp nhân của tổ chức chủ trì quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

5. Hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 14 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

6. Ký hợp đồng giao nhiệm vụ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

7. Đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí, điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ và chấm dứt thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

8. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

9. Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

10. Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

11. Tổ chức, quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc danh mục bí mật nhà nước, có nội dung bí mật nhà nước quy định tại Điều 20 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

12. Quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

13. Quản trị rủi ro trong việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 39 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

14. Xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

15. Thực hiện đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 5. Nội dung phân cấp cho cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về sáng tạo theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP

1. Thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 10 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

4. Phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 14 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

5. Ký kết hợp đồng tài trợ, hỗ trợ và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

6. Kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

7. Sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 17 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

8. Quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 18 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

9. Xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân cấp tại Điều 3 Quyết định này có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; không phân cấp tiếp các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp;

b) Chủ động bố trí nhân sự, trang thiết bị và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai nhiệm vụ hiệu quả, đúng quy định pháp luật;

c) Đối với các nhiệm vụ thuộc danh mục bí mật nhà nước, các cơ quan, đơn vị ngoài việc áp dụng theo Quyết định này phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố rà soát vị trí việc làm, phân bổ biên chế cho các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm đảm bảo thực hiện hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm căn cứ khả năng cân đối ngân sách và trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét bố trí, phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định hiện hành.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, quy trình và thủ tục thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp tại Quyết định này;

b) Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; kịp thời tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

nghe thực hiện một số nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để chỉ đạo xử lý.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới được ban hành.

Nơi nhận:

- Như khoản 1 Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- Chánh, các PCVP UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, KTNS, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Sơn